

Triết học Phật giáo

**Học Viện Phật Giáo VN tại TP.
HCM và Hà Nội**

Luận Câu-xá

Phẩm 3 Phân biệt Thế gian

TT. TS. Thích Giác Hiệp

- Tôn giáo, đạo học, triết học, huyền học, khoa học. có quan niệm khác nhau về vũ trụ.
- Quan điểm về vũ trụ thay đổi theo thời gian, tùy vào sự hiểu biết, nhận thức của con người trong từng thời đại.
- Một số trường phái Phật giáo có đưa ra quan niệm về vũ trụ, nhân sinh.
- Vũ trụ quan của Nhất-thiết-hữu bộ, nghiên cứu về vũ trụ và thân phận con người trong vũ trụ.

I. Đại ý

- A. Một số quan niệm về vũ trụ, nhân sinh
- B. Hữu tình và khí thể gian
- C. Chúng sinh và luân hồi sinh tử
- D. Duyên khởi và luân hồi
- E. Lưu chuyển (thọ, tử, tái sinh)
- F. An lập khí thể gian
- G. Thời gian và không gian

I. Nội dung

A. Một số quan niệm về vũ trụ, nhân sinh

1. Bà-la-môn giáo
2. Ky-tô giáo
3. Khổng giáo
4. Đạo giáo
5. Triết học Tây phương
6. Khoa học
7. Phật giáo

1. Bà-la-môn giáo

- BRAHMA=Phạm Thiên (linh hồn của vũ trụ), vị thần hằng hữu
- Brahma là căn nguyên, là cội nguồn của vũ trụ, vạn hữu đều do Brahma sáng tạo.
- Prajapati với Brahma là một thể, đồng nhất tính
- Prajapati từ chỗ vô hình biến thành hữu hình
- Trong cái không nó có một động tính; rồi từ cái động tính ấy nảy sinh hiện thực là thời gian và vạn vật

2. Ki-tô

Cựu Ước và Tân Ước đều cho rằng:

- Chúa Trời, với trí tuệ, tài năng và quyền phép (sẵn có), trong bảy ngày đêm hình thành nên vạn hữu.
- Thiên Chúa là đấng tự hữu, không do ai sinh ra, vô hình vô ảnh, phép tắc vô cùng.
- Nguyên lai vũ trụ do Ngài tạo dựng
- Ông Adam và bà Eva người đầu tiên trên trái đất
- Ai biết thờ phục Chúa, vâng lời Chúa Ngài ban phúc lành, và đưa lên thiên đàng; vĩnh viễn không sa đọa địa ngục.

3. Khổng giáo

- Vũ trụ là một “Thể vô cùng”
 - Trong mỗi vật hữu hạn đều có nằm sẵn cái thái cực vô hạn (lý thái cực), nó bàng bạc chu lưu khắp cả...
- “Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi; lưỡng nghi sinh tứ tượng; tứ tượng sinh bát quái, biến hóa vô cùng”

4. Đạo giáo

- Uyên nguyên của sự vật chỉ là một khối “tinh vân” mà Lão Tử gọi là “ĐẠO” (Bản Thể)
- Đạo vô hình, vô hạn, vượt ngoài không gian–thời gian. Muôn nghìn hiện tượng cũng do “Đạo” biến hóa ra.
- Vật sinh ra vũ trụ vạn vật chỉ là một vật không tên=Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết “Đạo”

5. Triết học Tây phương

- Pythagore (580–500 TTL) đã sáng tạo ra danh từ Triết học “Philosophie” là một trong những triết gia đầu tiên. Các triết gia tìm kiếm khởi nguyên của vũ trụ
- THALÈS (c.624–545 TTL) “Nước” là chất chính hình thành mọi vật (water was the primary substance from which all things were derived)
- HERACLITUS (C.500 TTL) “Lửa” (fire is the origin of all things)
- ANAXIMENES (480 TTL) “Không khí”
- EMPEDOCLES (c.493-433 TTL) có 6 yếu tố: nước, lửa, đất, khí trời và 2 nguyên lý trừu tượng là tình yêu và ghen ghét.
- DEMOCRITUS (c.5, 4 TTL) vũ trụ là do những hạt nhỏ (nguyên tử) kết cấu thành

6. Khoa học

- TK 17 trở đi phát triển
- Lý giải vũ trụ qua thuyết Big Bang
- Vũ trụ giãn nở expanding-universe theory

7. Phật giáo

- Vũ trụ quan được tìm thấy trong các bản sớ giải, luận thư
- Trong kinh, luật có bàn đến vũ trụ nhưng chưa hệ thống
- Quan niệm thông thường là vũ trụ được hình thành do 6 yếu tố (lục đại)

B. Hữu tình và khí thể gian

- Kết quả của sự mê lầm □ hữu tình

1. Ba cõi

a. Cõi dục kāmadhātu: 能持自相故名為界(Đ.29.41.2)

地獄傍生鬼 人及六欲天

名欲界二十 由地獄洲異(Đ.29.40.3)

- Có 4 phiền não chi phối: tham, sân, si, mạn

- Chúng sanh cõi này tham các loại: 段食, 婬

b. Cõi sắc rūpadhātu: Bốn thiên sắc: Sơ, Nhị, Tam, Tứ

- Có 3 loại phiền não chi phối: tham, si, mạn

c. Vô Sắc Arūpadhātu: Bốn thiên vô sắc: Không vô biên,

Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tướng phi phi tướng

- Có 3 loại phiền não chi phối: tham, si, mạn.

+ Tính chất chung là vô an, nguy hiểm, khổ đau

三界無安猶如火宅, 眾苦充滿甚可怖畏 (Đ.9.14.3)

B. Hữu tình và khí thể gian

2. Tứ sinh:

- Noãn, thai, thấp, hoá

人傍生具四 地獄及諸天

中有唯化生 鬼通胎化二 (Đ29. 43.3)

+ Con người và thú có đủ 4 hình thức

+ Địa ngục chư thiên và trung hữu hóa sinh

+ Quỷ thai và hóa

C. Lưu chuyển

- Antarabhava, intermediate existence

1. Tử hữu: thời điểm/sát-na xả bỏ sắc thân
2. Trung hữu: sau xả bỏ sắc thân đến khi đủ duyên tái sinh
3. Sinh hữu: giây phút kiết sinh.
4. Bản hữu: từ sinh hữu đến tử hữu, giai đoạn trong thai và đã sinh ra.

同淨天眼見 業通疾具根

無對不可轉 食香非久住 (Đ.29.46.1)

- 此無定限。生緣未合中有恒存。由彼命根非別業引
(Đ.29.46.2)

- 7 tuần

D. Duyên khởi và luân hồi

1. Thuật ngữ:

Pratītyasamutpāda

Prati có nghĩa Prāpti: đạt được, có được (to obtain, attain)

Sam-ut: xuất hiện to appear

Pad: hiện hữu, hữu existence

Having attained appearance

Arising together

Duyên khởi giải thích tính chất của sự hữu (bhava). Tính chất của thế giới hiện tượng giống như một mạng lưới chằng chịt quan hệ với nhau, có tính tương đối, hỗ tương để tồn tại

2. Bốn loại duyên khởi

a. 剎那 Sát-na

120 sát-na= 1 tatksṇa

60 tatksṇa= 1 lava

30 lava= 1 muhūrtas

30 muhūrtas= 1 ngày, 1 đêm

Có nhiều cách giải thích khác như trong Nhân Vương Kinh:

一彈指六十剎那，一剎那九百生滅

b. 連縛 Liên phược:

- 連縛緣起無間名連相接名縛

- 鄰次名連相屬名縛

Duyên khởi không gián đoạn theo quan hệ nhân trước quả sau.

c. 分位 Phân vị: dựa trên nhân quả suy đoán.

d. 遠續 Viễn tục: tiếp nối mãi không ngừng

E. Tứ thực

一段二觸三思四識 (Đ.29.55.1)

- Hữu tình tồn tại nhờ thức ăn 有情由食住

- Thực có nghĩa là tư ích, giúp cho, gồm: hương, vị, xúc, các trần.

1. Đoạn/đoàn thực: 搏食 Bắt lấy, nắm lấy, gồm: hương, vị, xúc. Nuôi dưỡng các căn và đại

- Tế: cách ăn của thân Trung hữu và chư thiên: hương

- Thô: ngược lại cách trên

2. Xúc thực: 觸即對也

- 6 thức tiếp đối với 6 trần sinh hỷ lạc

- Cảnh đẹp, âm thanh hay...

3. Tư thực: 思即意思, ý thức

- Suy nghĩ các cảnh ưa thích, sinh tâm hy vọng khiến cho mạng sống được duy trì.

4. Thức thực:

- Thức uẩn

- Địa ngục, chư Thiên và hành giả thiên cõi vô sắc duy trì sự sống thông qua thức.

F. An lập khí thể qian

1. Phân hạn lượng:

Có thể chia ra ba hạng: Tiểu thiên thể giới, Trung thiên thể giới, Đại thiên thể giới. Gọi chung là Tam thiên đại thiên thể giới.

1.000 thể giới = 1 tiểu thiên

1.000 tiểu thiên = 1 trung thiên

1.000 trung thiên = đại thiên

2. Tính chất

- Thế giới được cấu thành bằng 4 trần: sắc, hương, vị, xúc.

- 4 trần do các cực vi kết hợp hình thành.

- Mỗi cực vi đều có 4 tánh chất là cứng, ướt, nóng, động (cố thể, dịch thể, nhiệt lực, động lực hay khí thể).

3. Thời kỳ thành hoại của thế giới

- Thế giới cứ xoay vần tiếp nối qua bốn thời kỳ: thành, trụ, hoại, không.

- Mỗi thời kỳ là một Trung kiếp, đủ 4 Trung kiếp là 1 Đại kiếp.

- Thế giới trong thời trụ gồm 20 Tiểu kiếp. Trong 20 Tiểu kiếp này, tuổi thọ con người có 19 lần tăng lên đến 80.000 tuổi, và 19 lần giảm xuống 10 tuổi là thượng thọ.

III. Kết luận

- Vũ trụ thể gian không ra ngoài 4 tướng
- Câu xá giải thích về hữu tình và khí thể gian rất chi tiết, có phương sở trú xứ rõ ràng